TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14**/2025/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 24 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 496/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Âu Văn S**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

-*Bị đơn*: Chị **Trần Thị H,** sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Âu Văn S** và chị **Trần Thị H.**

(Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Âu Trần An N, sinh ngày 15/8/2023 cho chị Trần Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Âu Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Â Trần An N cùng với chị Trần Thị H với số tiền cấp dưỡng là 4.000.000 (bốn triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2025 và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"*Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015"*.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh Âu Văn S và chị Trần Thị H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Âu Văn S phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002117988, ngày 31/10/2024 của Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001545 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Trần Thị H không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS SD;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu..

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến